

Số: *7* /QĐ-VP

U Minh Thượng, ngày 12 tháng 01 năm 2026

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán năm 2026 của  
Văn phòng HĐND – UBND xã U Minh Thượng

#### VĂN PHÒNG HĐND - UBND XÃ U MINH THƯỢNG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về quy định thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định về quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn;*

*Căn cứ Nghị quyết số 13/2025/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2026 trên địa bàn tỉnh An Giang;*

*Căn cứ Nghị quyết số 48/2025/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang về dự toán thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn và dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2026;*

*Căn cứ Nghị quyết số 49/2025/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang về phân bổ ngân sách địa phương năm 2026;*

*Căn cứ Quyết định số 2299/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026 đối với các xã;*

*Căn cứ Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND ngày 09 tháng 01 năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã U Minh Thượng về việc phân bổ ngân sách địa phương năm 2026;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế tại Tờ trình số 06/TTr-KT ngày 09 tháng 01 năm 2026.*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách xã năm 2026 của Văn phòng HĐND – UBND xã U Minh Thượng (Có phụ lục kèm theo).

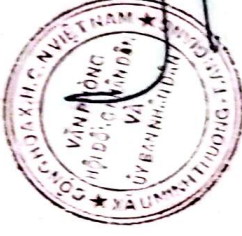
**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký;

**Điều 3.** Công chức văn phòng HĐND - UBND xã, công chức kế toán, các ban, ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TVH.

**TM. VĂN PHÒNG HĐND - UBND  
CHÁNH VĂN PHÒNG**



**Trần Quốc Vương**

## PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số 7/QĐ-VP, ngày 12/01/2026 của  
Ủn phòng HDND - UBND xã U Minh Thượng)

Đơn vị: Nghìn đồng

| Chương | Loại | Khoản | Nguồn | Diễn giải                                                                                                                                 | Dự toán 2026 |
|--------|------|-------|-------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|
| 830    | 340  | 341   | 13    | Nguồn giao tự chủ                                                                                                                         | 13.702.114   |
|        |      |       |       | Chi lương, các khoản phụ cấp và các khoản đóng góp cán bộ, công chức (1.490)                                                              | 1.932.631    |
|        |      |       |       | Chế độ kiêm nhiệm phụ cấp HDND (Phó Trưởng các ban HDND) (1.490)                                                                          | 10.728       |
|        |      |       |       | Sinh hoạt phí HDND (1.490)                                                                                                                | 339.598      |
|        |      |       |       | Kinh phí thực hiện các chế độ chính sách của Dân quân thuộc nhiệm vụ chi của xã (Dân quân tự vệ)                                          | 262.828      |
|        |      |       |       | Kinh phí thực hiện các chế độ chính sách của Dân quân thuộc nhiệm vụ chi của xã (Dân quân thường trực tiền ăn và tiền ngày công lao động) | 2.385.058    |
|        |      |       |       | Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở (NQ 08/2023/NQ-HDND)                      | 2.196.000    |
|        |      |       |       | Phụ cấp cán bộ KCT xã, ấp (1.490)                                                                                                         | 4.663.235    |
|        |      |       |       | Bảo hiểm cán bộ KCT ấp (1.490)                                                                                                            | 439.246      |
|        |      |       |       | Chi hỗ trợ dân quân thường trực                                                                                                           | 72.000       |
|        |      |       |       | Kinh phí chi công việc ấp (24 triệu/ năm/ấp)                                                                                              | 624.000      |
|        |      |       |       | Chi hoạt động thường xuyên cán bộ, công chức                                                                                              | 760.950      |



| Chương | Mục | Khoản | Nguồn | Diễn giải                                                       | Dự toán 2026      |
|--------|-----|-------|-------|-----------------------------------------------------------------|-------------------|
| 030    | 340 | 341   | 13    | Chi tiền tiếp công dân                                          | 15.840            |
|        |     |       |       | <b>Nguồn cải cách tiền lương</b>                                | <b>4.213.168</b>  |
|        |     |       |       | Chi lương và các khoản phụ cấp cán bộ, công chức (850)          | 1.102.507         |
|        |     |       |       | Chiế độ kiểm nhiệm phụ cấp HDND (Phó Trưởng các ban HDND) (850) | 6.120             |
|        |     |       |       | Sinh hoạt phí HDND (850)                                        | 193.731           |
| 040    |     |       |       | Phụ cấp cán bộ KCT xã, ấp (850)                                 | 2.660.234         |
|        |     |       |       | Bảo hiểm cán bộ KCT ấp (850)                                    | 250.576           |
|        | 340 | 341   | 12    | <b>Nguồn giao không tự chủ</b>                                  | <b>1.513.600</b>  |
|        |     |       |       | Phí giá hạn phần mềm quản lý tài sản nhà nước                   | 1.800             |
|        |     |       |       | Phí hỗ trợ phần mềm tổng kiểm kê tài sản                        | 2.000             |
|        |     |       |       | Phí hỗ trợ phần mềm kế toán, tài sản năm 2026                   | 5.000             |
|        |     |       |       | Phí giá hạn phần mềm kế toán                                    | 10.000            |
|        |     |       |       | Hỗ trợ bảng cấp chuyên môn                                      | 394.800           |
|        |     |       |       | Chi cho công tác trang thông tin điện tử xã U Minh Thượng       | 100.000           |
|        |     |       |       | Đặc thù Thường trực UBND                                        | 800.000           |
|        |     |       |       | Đặc thù Thường trực HDND                                        | 200.000           |
|        |     |       |       | <b>Tổng cộng</b>                                                | <b>19.428.882</b> |

- **Tổng dự toán chi bằng số: 19.428.882 nghìn đồng**
- **Tổng dự toán chi bằng chữ: Mười chín tỷ, bốn trăm hai mươi tám triệu, tám trăm tám mươi hai nghìn đồng.**